

Bản án số: 289/2024/HC-PT

Ngày 25/7/2024.

*V/v khiếu kiện quyết định xử phạt
vi phạm hành chính và hành vi
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **bà Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: **ông Trương Minh Tuấn
ông Võ Ngọc Thông**

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: bà Trần Thị Thắng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 128/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2023/HC-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1391/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Thái A - sinh năm 1956 và bà Phạm Thị H - sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: bà Trần Thị Như T - Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P. Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện T: ông Huỳnh Gia H1 - chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện T và UBND huyện T: ông Nguyễn Văn D, chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đức M, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị trấn C. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị trấn C: ông Võ Tấn M1, chức vụ: Công chức địa chính - xây dựng UBND thị trấn C. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh P. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T1 - sinh năm 1938 và bà Nguyễn Thị C - sinh năm 1960 (ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Văn T3 cung cấp thông tin năm sinh của bà Nguyễn Thị C - sinh năm 1950), đều đã chết. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

+ Ông Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

+ Ông Nguyễn Văn T4 - sinh năm 1975.

+ Ông Nguyễn Văn T3 - sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

+ Ông Nguyễn Văn T2 - sinh ngày 30/12/1980; địa chỉ: khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng N - sinh năm 1983; địa chỉ: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

+ Bà Nguyễn Thanh N1 - sinh năm 1989; địa chỉ: thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng P; địa chỉ: khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị C đều vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, vợ chồng ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H trình bày:*

Ông, bà đang quản lý, sử dụng thửa đất số 138, thuộc tờ bản đồ 16 tại khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên, diện tích khoảng 1.636,6m², bản đồ địa chính đo đạc năm 2012. Nguồn gốc sử dụng đất này là do năm 1996 ông A nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T1. Sau khi chuyển nhượng, ông, bà trực tiếp quản lý, sử dụng trồng cây lâu năm trên đất.

Ngày 27/02/2023, ông A nộp hồ sơ xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại UBND thị trấn C, huyện T. Ngày 24/3/2023, UBND thị trấn C ban hành Văn bản số 46/UBND “V/v trả lời hồ sơ xin đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thái A”, phản hồi rằng: “nội dung đăng ký kê khai được thể hiện tại mục I. phần kê khai của người đăng ký chưa đầy đủ theo nội dung yêu cầu được kê khai tại mẫu số 10/ĐK được ban hành theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ T7”. Đồng thời, UBND thị trấn C còn đính kèm Quyết định số 421/QĐ - XPVPHC ngày 03/02/2021 của UBND huyện T “về việc xử phạt vi phạm hành chính” đối với ông, vì cho rằng ông A “đã có hành vi chiếm đất nông nghiệp do UBND thị trấn quản lý”. Do đó, UBND thị trấn C không giải quyết hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Đối với Quyết định số 421/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2021 của UBND huyện T không phù hợp trình tự thủ tục ban hành, không đúng căn cứ về nội dung nguồn gốc đất.

Đối với Văn bản số 46/UBND ngày 24/3/2023 của UBND thị trấn C: Ủy ban nhân dân thị trấn C trả lời rằng “Tại thửa đất ông Nguyễn Thái A đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện T ra Quyết định số 421/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2021 về xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông A, vì đã có hành vi chiếm đất nông nghiệp do UBND thị trấn quản lý (có kèm theo Quyết định xử phạt) nên hồ sơ không được giải quyết”.

Do Quyết định số 421/QĐ-XPVPHC không phù hợp theo trình tự thủ tục ban hành, cũng như không đúng về căn cứ nội dung nên UBND thị trấn C không thể lấy đó làm căn cứ để từ chối giải quyết hồ sơ xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông.

Ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 421/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện T, xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai;

- Hủy văn bản số 46/UBND ngày 24/3/2023 của UBND thị trấn C về việc trả lời hồ sơ xin đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Thái A;

- Buộc UBND huyện T và UBND thị trấn C thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Thái A và bà Phạm

Thị H đối với thửa đất số 138, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.636,6m² theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, tại khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên, theo quy định pháp luật.

** Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T, Ủy ban nhân dân huyện T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:*

Ngày 16/9/2020, UBND thị trấn C phát hiện ông Nguyễn Thái A tự ý trồng trụ bê tông, rào thép gai chiếm đất của UBND thị trấn C quản lý, diện tích 1.696m², thửa đất số 138, tờ bản đồ số 16, địa chỉ tại khu phố C, thị trấn C, huyện T. Ngày 25/01/2021, UBND thị trấn C lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 05/BB-VPHC đối với ông A vì đã có hành vi vi phạm chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị từ 0,1 héc ta đến dưới 0,5 héc ta: quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai: “c) Phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 30.000.000đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm từ 0,1 héc ta đến dưới 0,5 héc ta”.

Ngày 03/02/2021, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 421/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông A, trú tại khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên, số tiền 20.000.000đồng và buộc ông A khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, là đúng quy định của pháp luật đất đai.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T trình bày:*

Ngày 11/4/2023, Ủy ban nhân dân thị trấn T8 lấy ý kiến khu dân cư vùng L, thuộc khu phố L và kết quả xác minh về nguồn gốc sử dụng đất như sau:

Thửa đất số 138, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.636,3m² thuộc khu phố L, thị trấn C, có nguồn gốc là đất của Thanh niên thị trấn C tiến hành khai phá, phát dọn từ năm 1976 sử dụng trồng cây hoa màu làm kinh tế, đến năm 1979 giao lại cho Hợp tác xã thị trấn quản lý sử dụng trồng mía, trồng mì....Năm 1994, đo đạc bản đồ để cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP vào năm 1997 thì thửa đất này không có hộ dân nhận khoán nên UBND thị trấn quản lý đến nay. Từ năm 2013 trở về trước vào mỗi năm di tu sửa chữa đường dân sinh cho bà con vui chơi đón Tết thì UBND thị trấn đã lấy đất tại thửa đất này để di tu sửa chữa đường.

Năm 1998, ông A tự ý chở đá đến thửa đất để làm chuồng bò thì bị UBND thị trấn lúc bấy giờ cử cán bộ gồm ông Huỳnh T5 - địa chính thị trấn, ông Đặng L - tư pháp, ông Dương Minh A - trưởng thôn Chí T6 đến làm việc và đề nghị ông A tháo gỡ và đi nơi khác trả lại đất cho UBND thị trấn quản lý thì ông Nguyễn Thái A đã tháo gỡ và trả lại đất cho Nhà nước. Năm 2020, ông tự ý rào thép gai chiếm đất tại thửa đất này bị UBND thị trấn lập biên bản xử lý.

Về hồ sơ xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận của ông A đối với thửa đất nêu trên: Ủy ban nhân dân thị trấn C1 vào Quyết định số 421/QĐ-XPVC ngày

03/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông A tại thửa đất nêu trên nên ngày 24/3/2023, UBND thị trấn C ban hành Công văn số 46/UBND về việc trả lời hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận của ông A. Hồ sơ xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận ông A đã ký nhận lại hồ sơ gốc ngày 24/3/2023.

** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị C:*

- Ông Nguyễn Văn Đ trình bày: ông Nguyễn Văn T1 có bán phần đất cho ông Nguyễn Thái A chăn nuôi, trồng trọt. Sau khi mua ông A đã nhận đất trồng trọt, chăn nuôi gà. Số tiền, diện tích đất ông Đ không biết, nguồn gốc đất bán: xin Ủy ban thị trấn, ông cha khai hoang, ngoài ra không biết gì thêm.

- Ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Văn T3 trình bày: các ông không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thái A. Các ông giữ nguyên ý kiến về nguồn gốc đất như bản tự khai nộp cho Tòa án: đất này được ông Nguyễn Văn T1 (cha của ông T2, ông T3) xin Hợp tác xã đã cấp cho ông T1, một số diện tích đất được cất nhà ở, còn lại cha của các ông đã chuyển nhượng một phần đất trồng hoa màu gồm mía, sắn, đỗ mà cha bỏ công ra làm. Phần cha các ông chuyển nhượng cho ông A, lúc đó các ông không có mặt nên không biết. Từ nay về sau xin xét xử vắng mặt.

** Người làm chứng:* ông Nguyễn Ngọc B trình bày về nguồn gốc thửa đất ông Nguyễn Thái A, bà Phạm Thị H khởi kiện: năm 1996, ông Nguyễn Văn T1 đã dọn rừng trồng hoa màu: cây bắp, cây sắn và đậu đỏ. Gia đình ông T1 có vợ bị mù, con còn nhỏ, ông T1 không có tiền nên bán đất cho ông A, bán xong được hai ngày, ông T1 có nói “Bình ơi, tao không có tiền, tao bán cho ông A một lô trồng bắp và trồng sắn”. Tại thời điểm năm 1996, ông T1 mới trồng lúa đầu chưa thu hoạch thì bán cho ông A...Cách đây khoảng 3-4 năm ông A có trồng trụ bê tông rào khu đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2023/HC-ST ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a, b khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 của Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 2 Điều 38, Điều 58 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 31 của Luật Đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 106, khoản 2 Điều 107 của Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 3 Điều 167, khoản 1 Điều 168 và khoản 1, khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H về các yêu cầu:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 421/QĐ-XPHC ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện T;

- Hủy văn bản số 46/UBND ngày 24/3/2023 của UBND thị trấn C, huyện T về việc trả lời hồ sơ xin đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Thái A.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Thái A, bà Phạm Thị H về yêu cầu:

Buộc UBND huyện T và UBND thị trấn C thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H đối với thửa đất số 138, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.636,6m², bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, tọa lạc khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/01/2024, ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án buộc UBND huyện T và UBND thị trấn C thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/7/2024, người khởi kiện ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể là rút yêu cầu: “Buộc UBND huyện T và UBND thị trấn C thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 138, tờ bản đồ số 16, địa chỉ tại khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên”. Cùng ngày 19/7/2024, Ủy ban nhân dân huyện T có văn bản số 2253/UBND và UBND thị trấn C có văn bản số 185/UBND không đồng ý đối với việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông A và bà H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 234 của Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện - Luật sư Trần Thị Như T cho rằng Công văn số 46/UBND ngày 24/3/2023 của UBND thị trấn C đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử hủy do chưa thực hiện đúng các trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 70 của Nghị định 43. Trong vụ án này, ông A, bà H chỉ mới khởi kiện yêu cầu thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận chứ chưa yêu cầu cấp Giấy chứng nhận. Vì vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông A, bà H, sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H, người bị kiện UBND thị trấn C, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện T và UBND huyện T - ông Nguyễn Văn D, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh P và chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T, UBND huyện T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị trấn C - ông Võ Tấn M1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị C đều vắng mặt. Đây là phiên tòa phúc thẩm lần 2. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H khởi kiện cho rằng nguồn gốc thửa đất số 138, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.636,6m² tọa lạc tại khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên là do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T1 vào năm 1996. Ngày 27/02/2023, ông A nộp hồ sơ xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại UBND thị trấn C, huyện T. Ngày 24/3/2023, UBND thị trấn C ban hành văn bản số 46/UBND cho rằng ông A kê khai chưa đầy đủ nội dung yêu cầu theo mẫu và thửa đất ông A đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đã được UBND huyện T ra Quyết định số 421/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2021 xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông A nên từ chối không giải quyết hồ sơ. Do đó, ông A, bà H khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 421/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện T, huỷ văn bản số 46 nói trên và buộc UBND huyện T và UBND thị trấn C thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 421/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện T do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và huỷ văn bản số 46/UBND ngày 24/3/2023 của UBND thị trấn C do không đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H với nội dung đề nghị Toà án cấp phúc thẩm buộc UBND huyện T và UBND thị trấn C thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng: việc Ủy ban nhân dân thị trấn C chưa kiểm tra hồ sơ và chưa thực hiện các công việc như: xác nhận về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp quyền sử dụng đất, niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ...theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ mà căn cứ vào việc ông A đã bị xử phạt vi phạm hành chính để từ chối không giải quyết hồ sơ là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm đã nhận định về nguồn gốc thửa đất để xử bác yêu cầu khởi kiện này của ông A, bà H là vượt quá phạm vi khởi kiện. Tuy nhiên, do cùng ngày 24/3/2023, ông A đã nhận lại toàn bộ hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có cơ sở để buộc UBND huyện T và UBND thị trấn C thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A, bà H đối với thửa đất số 138 nói trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông A và bà H; chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, ông A và bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2023/HC-ST ngày 25/12/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Áp dụng khoản 2 Điều 38, Điều 58, điểm c khoản 1 Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 31 của Luật Đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 106, khoản 2 Điều 107 của Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 3 Điều 167, khoản 1 Điều 168, khoản 1, khoản 3 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; điểm đ khoản

1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H về các yêu cầu:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 421/QĐ-XPHC ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện T;

- Hủy văn bản số 46/UBND ngày 24/3/2023 của UBND thị trấn C, huyện T về việc trả lời hồ sơ xin đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Thái A.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Thái A, bà Phạm Thị H về yêu cầu: buộc UBND huyện T và UBND thị trấn C thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H đối với thửa đất số 138, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.636,6m², tọa lạc khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Thái A và bà Phạm Thị H.

4. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên